

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-4-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tươi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Đỗ Văn N kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại thôn 3, D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm bất hòa làm cho cuộc sống hai bên căng thẳng. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị L và anh N đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Bản thân chị đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không cải thiện được, hai bên không còn quan tâm và có trách nhiệm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N thực sự không còn, chị không còn sự thương yêu và tôn trọng với anh N, mâu thuẫn đã nghiêm trọng kéo dài nhiều năm nay, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, hai bên không thể khắc phục mâu thuẫn hàn gắn đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn N để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn N có 02 con chung là Đỗ Hoàng G, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 và Đỗ Duy K, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2015. Ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đỗ Văn N, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh trước yêu cầu của chị L.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau:*

\ - Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Đỗ Văn N; về con chung, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử giao các con chung Đỗ Hoàng G, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 và Đỗ Duy K, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Văn N. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và

gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Văn N đang cư trú tại xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng, đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn đã kéo dài và ngày càng căng thẳng. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình; cần giải quyết cho ly hôn giữa chị L và anh N.

[4] Về con chung: Anh N và chị L có 02 con chung là Đỗ Hoàng G, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 và Đỗ Duy K, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2015. Ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh N nhiều lần để anh N đến Tòa án trình bày quan điểm về việc chị L xin ly hôn nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ 02, anh N vẫn vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm về con chung. Do vậy yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị L là có căn cứ chấp nhận. Vậy cần giao hai con Đỗ Hoàng G và Đỗ Duy K cho chị L nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về con chung và tài sản chung, anh N không có lời khai nên không có quan điểm. Khi nào có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn N.

Về nuôi con chung: Giao con chung Đỗ Hoàng G, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 và Đỗ Duy K, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2015 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn N không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh N không yêu cầu nên không giải quyết.

Khi nào anh N có tranh chấp về con chung và tài sản chung, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng biên lai số **0004061 ngày 23 tháng 12 năm 2021**. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
  - VKSND thành phố Hải Phòng;
  - VKSND huyện A;
  - Chi cục THADS h. A;
  - UBND xã T, h. A
- (ĐKKH ngày 27/8/2008)
- Đương sự;
  - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Tươi**